

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH T**

Số:46/2021/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TT, ngày 13 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 70/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 03 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Lưu Văn N; sinh năm 1984

- Bị đơn: Chị Lưu Thị N1; sinh năm 1985

Đều có hộ khẩu thường trú tại: Thôn A, xã B, huyện TT, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lưu Văn N và chị Lưu Thị N1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Cháu Lưu N Long – SN 26/10/2004 ; cháu Lưu Thị Huyền T – SN 25/09/2010 và cháu Lưu Quốc B – SN 18/12/2019. Ly hôn anh N trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Long và cháu T cho đến khi các cháu trưởng thành. Chị N1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu B. Hai bên không

yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh N, chị N1 được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản: Anh Lưu Văn N và chị Lưu Thị N1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Anh Lưu Văn N chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, theo biên lai số AA/2018/0003049 ngày 23/03/2021. Anh Lưu Văn N được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật N1y sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện TT;
- UBND xã B;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Lê Văn Quân